

## Betriebssysteme BS-ITS

# 4. Speicherverwaltung

1. *Einführung und Grundlagen*
2. *Swapping*
3. *Virtuelle Speicherverwaltung*
4. *Seitenersetzungsverfahren*
5. *Entwurfsaspekte*
6. *UNIX*

# Übersicht Speicherhierarchie

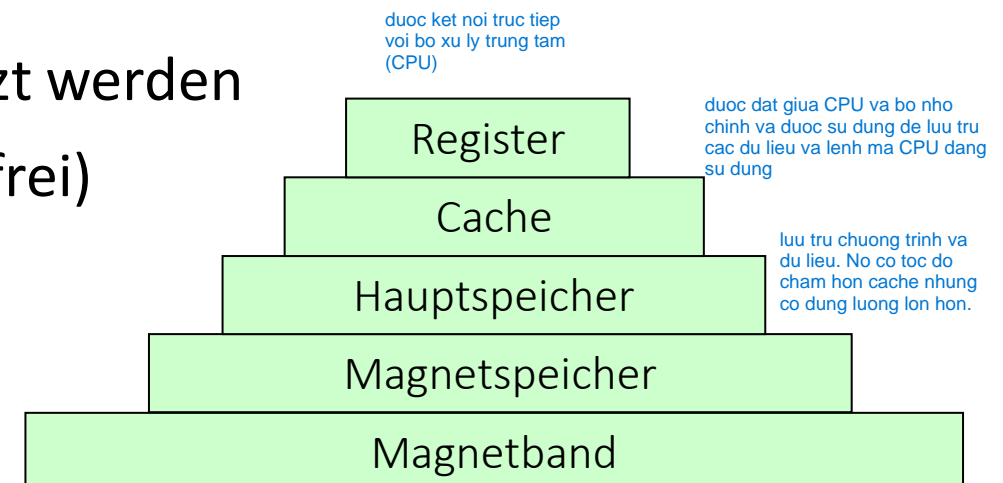
## Allgemein

Phan Bo?

- Die Speicherverwaltung des BS organisiert die Vergabe des Hauptspeichers im Rahmen der Speicherhierarchie  
trong khung phan cap cua bo nho

## Die Speicherverwaltung

- verfolgt, welche Speicherbereiche gerade benutzt werden
- teilt Prozessen Speicher zu (und gibt ihn wieder frei)
- Adressumrechnung
- Auslagerung von Speicher auf die Festplatte



# Anforderungen

chạy nhiều chương trình cùng một lúc, mỗi chương trình có thể có địa chỉ bắt đầu khác nhau

- Verschiebbarkeit (Relokation) von Programmen (→ Adressberechnung)

cách ly các tiến trình với nhau. Điều này là cần thiết để ngăn chặn các tiến trình can thiệp vào hoạt động của nhau.

- Kapselung jedes Prozesses (Schutz und Zugriffskontrolle)

cấp phát và giải phóng bộ nhớ chính. Điều này là cần thiết để hệ điều hành có thể quản lý hiệu quả bộ nhớ chính của hệ thống.

- Automatische Zuweisung und Freigabe von Hauptspeicher

tự động chuyển các tiến trình ra khỏi bộ nhớ chính. Điều này là cần thiết để hệ điều hành có thể giải phóng bộ nhớ cho các tiến trình khác cần thiết.

- Automatische Auslagerung von Prozessen (Scheduling!)

hỗ trợ việc chia sẻ tài nguyên giữa các tiến trình. Điều này là cần thiết để các tiến trình có thể hợp tác với nhau và chia sẻ dữ liệu và tài nguyên.

- Gemeinsame Nutzung (z.B. Shared Memory, DLLs)

# Physikalische und logische Adressen

## Physikalische Adressen (reale Adressen)

- Die absoluten Adressen im physikalischen Hauptspeicher

## Logische Adressen (virtuelle Adressen)

- Logische Adressen werden in den Prozessen verwendet.
- Referenz auf eine Speicheradresse, ohne dass die reale (absolute) Hauptspeicheradresse bekannt ist.
- Eine „Übersetzung“ muss vom System (Betriebssystem oder Hardware) vorgenommen werden.

Dia chi logic khong phai la dia chi tuyet doi cua mot vi tri trong bo nho, ma la mot dia chi tuong doi.

## Frage Warum unterscheidet man zwischen logischen und physikalischen Adressen?

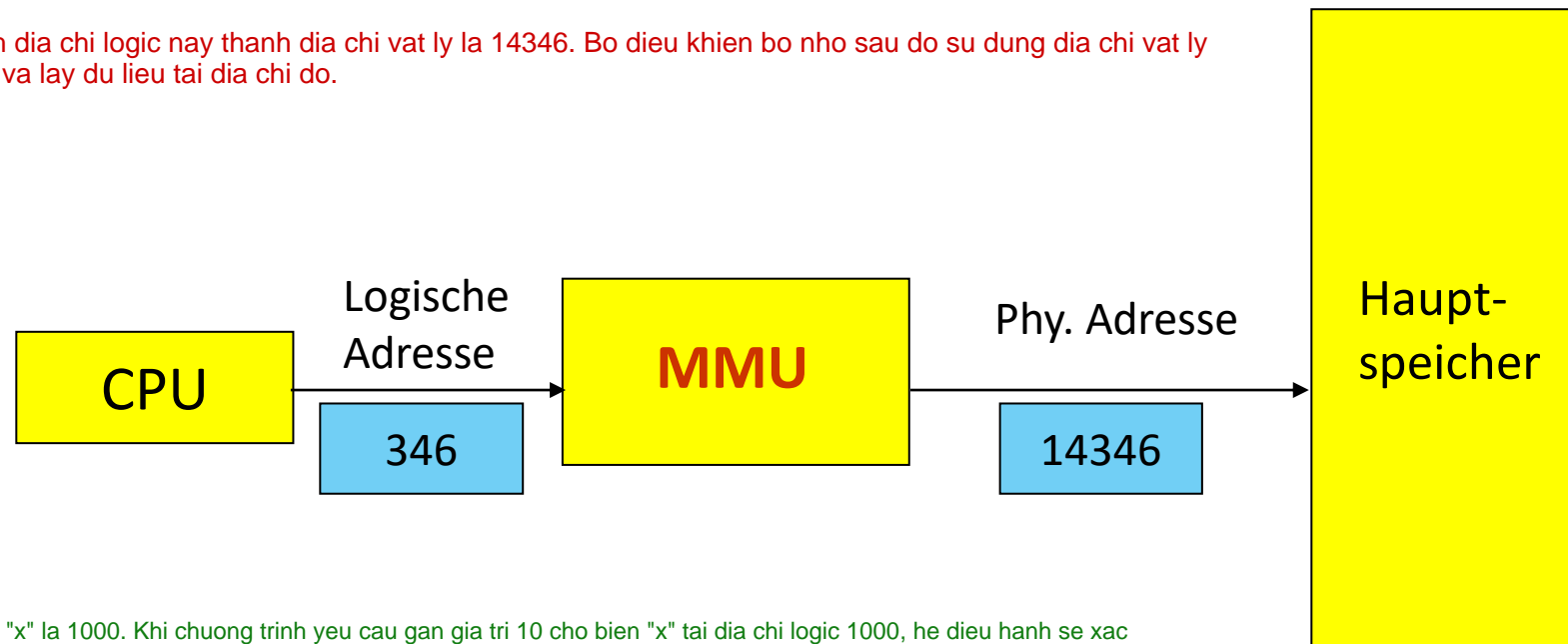
de bao ve bo nho, de ho tro da nhien, de nang cao hieu suat

# Dynamische Adressberechnung zur Relokation von Programmen

**MMU** (Memory Management Unit): Abbildung einer logischen Adresse auf die physikalische Adresse (reale Adresse) durch Hardware (erste Näherung)

## Beispiel

die chi logic la 346. MMU dich dia chi logic nay thanh dia chi vat ly la 14346. Bo dieu khien bo nho sau do su dung dia chi vat ly nay de truy cap bo nho chinh va lay du lieu tai dia chi do.



Vi du, gia su dia chi logic cua bien "x" la 1000. Khi chuong trinh yeu cau gan gia tri 10 cho bien "x" tai dia chi logic 1000, he dieu hanh se xac dinh dia chi vat ly tuong ung cua dia chi logic nay thong qua bang anh xa.

# Laden eines Programms in den Hauptspeicher

biên dịch/trình lập ráp sẽ gắn các thành phần của chương trình với các địa chỉ logic

- Compiler/Assembler verknüpfen üblicherweise einzelne Programmelemente mit logischen Adressen. Bezüge zwischen Modulen werden vorerst offen gelassen.  
ghép các mô-đun riêng lẻ lại với nhau bằng cách • di chuyển các phân vùng địa chỉ riêng lẻ so với nhau để chúng không bị chồng chéo, • giải quyết các tham chiếu chéo giữa các mô-đun
- Linker / Binder fügen die einzelnen Module zusammen, indem sie Di chuyển các phân vùng địa chỉ riêng lẻ so với nhau để chúng không bị chồng chéo
  - die einzelnen Teil-Adressräume gegeneinander verschieben, so dass sie sich nicht überdecken,  
Trình liên kết sẽ giải quyết các tham chiếu chéo này bằng cách thay thế địa chỉ logic của vị trí được tham chiếu bằng địa chỉ logic của vị trí đó trong mô-đun nơi nó được định nghĩa.
  - Querbezüge zwischen den Modulen auflösen.
- Es entsteht ein einheitlicher Adressraum, dessen Adressen aber noch nicht den physikalischen Adressen entsprechen müssen.  
Hình thành một không gian địa chỉ thống nhất, các địa chỉ của không gian địa chỉ này vẫn chưa nhất thiết phải tương ứng với địa chỉ vật lý
- Die Adressen dieses Adressraumes werden entweder statisch durch den Linker/Loader oder dynamisch während der Ausführung des Programms auf die physikalischen Adressen abgebildet.  
0xFF: địa chỉ static / dynamisch <---abbildet--- 0x01: địa chỉ của Adressräume 1 gồm 0x02, 0x03, 0x04,.....
- Hierdurch wird eine Unabhängigkeit der Programme von ihrer Platzierung im Hauptspeicher erreicht (**Relokation**)

# Einfache Adressumsetzungsmethode (Relokation)

## Aufgabe

- Abbildung der logischen Adressen eines Prozesses auf physikalische Adressen

### Basis-Register („Relocation“-Register)

- Enthält die Startadresse (phy. Adresse) des Prozesses
- Berechnungsverfahren: **Physikalische Adresse** = **Logische Adresse + Wert des Basis-Registers**

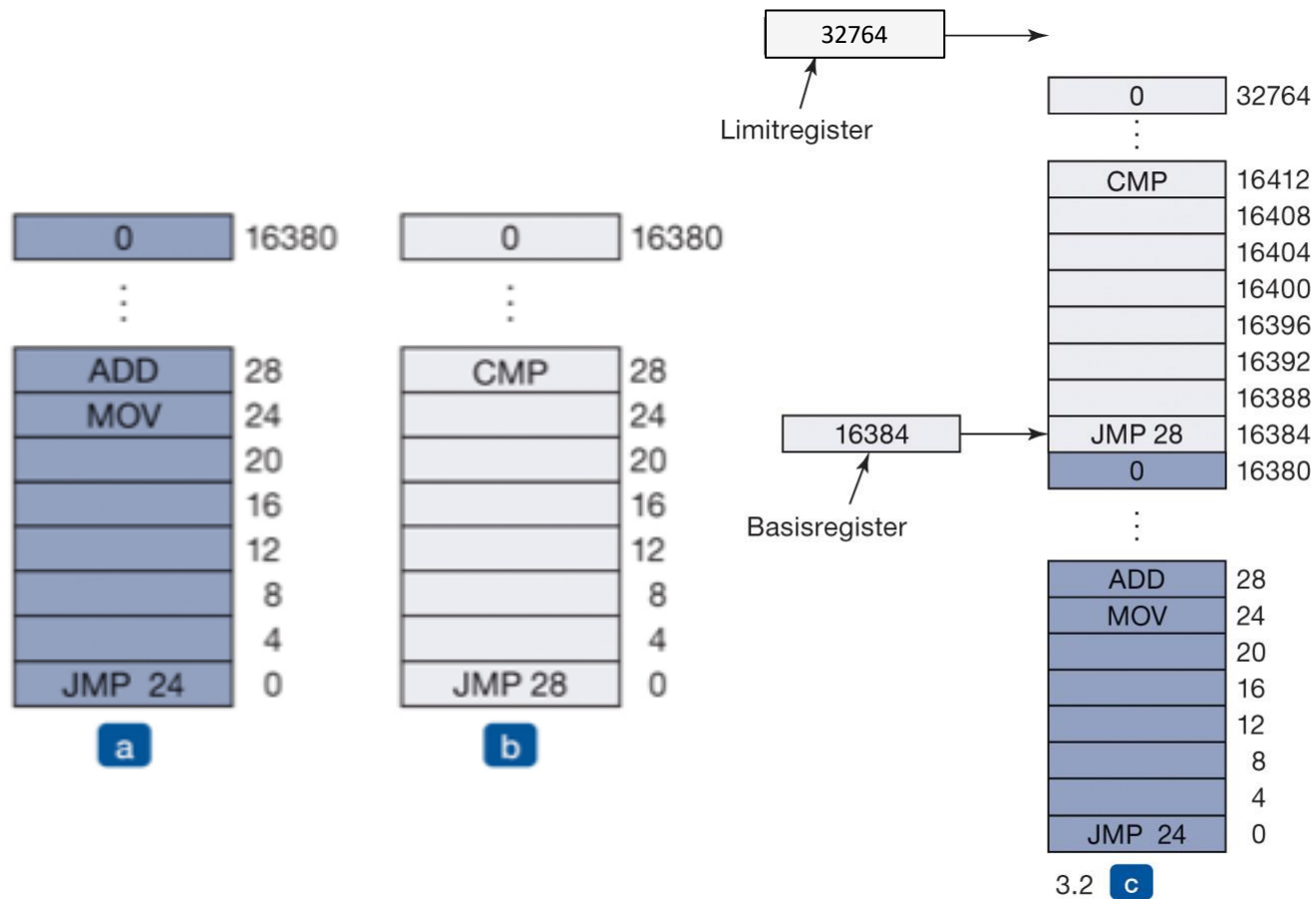
0x hexzahl

erhalt wert-variable

### Limit-Register:

- Endadresse (phy. Adresse) des Prozesses
  - Wenn Phy. Adresse > Limit-Register → Fehler! (Schutzverletzung)
- Register duoc dat la 10000, duoc phep truy cap vao cac dia chi bo nho tu 0 den 10000
- **Diese Register** werden gesetzt, wenn der **Prozess geladen oder verschoben wird!**
  - Umrechnung bei jedem Speicherzugriff (Sprungadressen, holen von Befehlen, ...)

# Beispiel



**JMP 28**  
 $\rightarrow \text{JMP } 28 + 16384$   
 $= \text{JMP } 16412$

**ADD R1, 20000**  
 $\rightarrow \text{ADD R1, } 36384$   
 Zugriffsverletzung

[AT] **Abbildung 3.3:** Basis- und Limitregister können benutzt werden, um jedem Prozess einen separaten Adressraum zu geben.



## Betriebssysteme BS-ITS

# 4. Speicherverwaltung

1. *Einführung und Grundlagen*
2. **Swapping**
3. *Virtuelle Speicherverwaltung*
4. *Seitenersetzungsverfahren*
5. *Entwurfsaspekte*
6. *UNIX*

# Swapping vs virtueller Speicher

Qua trình Swapping thường được thực hiện khi không gian bộ nhớ RAM (Hauptspeicher) không đủ để chứa tất cả các quá trình đang hoạt động. Hệ điều hành sẽ quyết định chuyển đổi các quá trình không hoạt động ra khỏi RAM để giải phóng bộ nhớ cho các quá trình khác.

## Allgemein

- Ohne Speicherverwaltung: Der Hauptspeicher muss den Speicherbedarf aller (quasi-)parallel laufenden Prozesse abdecken.
- Aber: Oftmals **nicht genug** Hauptspeicher **für alle** aktiven Prozesse → einige müssen auf **Festplatte ausgelagert** und bei Bedarf **dynamisch** in den Hauptspeicher **geladen** werden

Khi một quá trình cần truy cập đến một phần của bộ nhớ không nằm trong RAM, hệ điều hành sẽ sử dụng bảng ánh xạ (page table hoặc segment table) để chuyển đổi địa chỉ ảo của quá trình sang địa chỉ vật lý tương ứng trong RAM hoặc đĩa cứng. Bảng ánh xạ này giữ thông tin về các trang (pages) hoặc đoạn (segments) của quá trình và vị trí của chúng trong bộ nhớ.

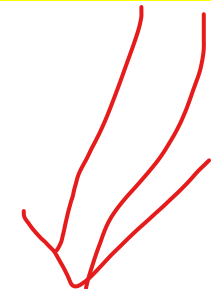
## Swapping

- Jeder Prozess wird komplett in einen zusammenhängenden Speicherbereich geladen.
- Wenn ein neuer Prozess geladen werden muss und **nicht genug** Hauptspeicher (am Stück) zur Verfügung steht, dann werden ein oder mehr Prozesse komplett vom Hauptspeicher **auf Platte ausgelagert**. *hoan doi sang o cung*
- Wenn ein ausgelagerter Prozess wieder zur Verarbeitung ansteht, dann wird er wieder komplett geladen.

Frage: Was passiert, wenn der Hauptspeicherbedarf eines Prozesses größer als der Hauptspeicher selbst ist?

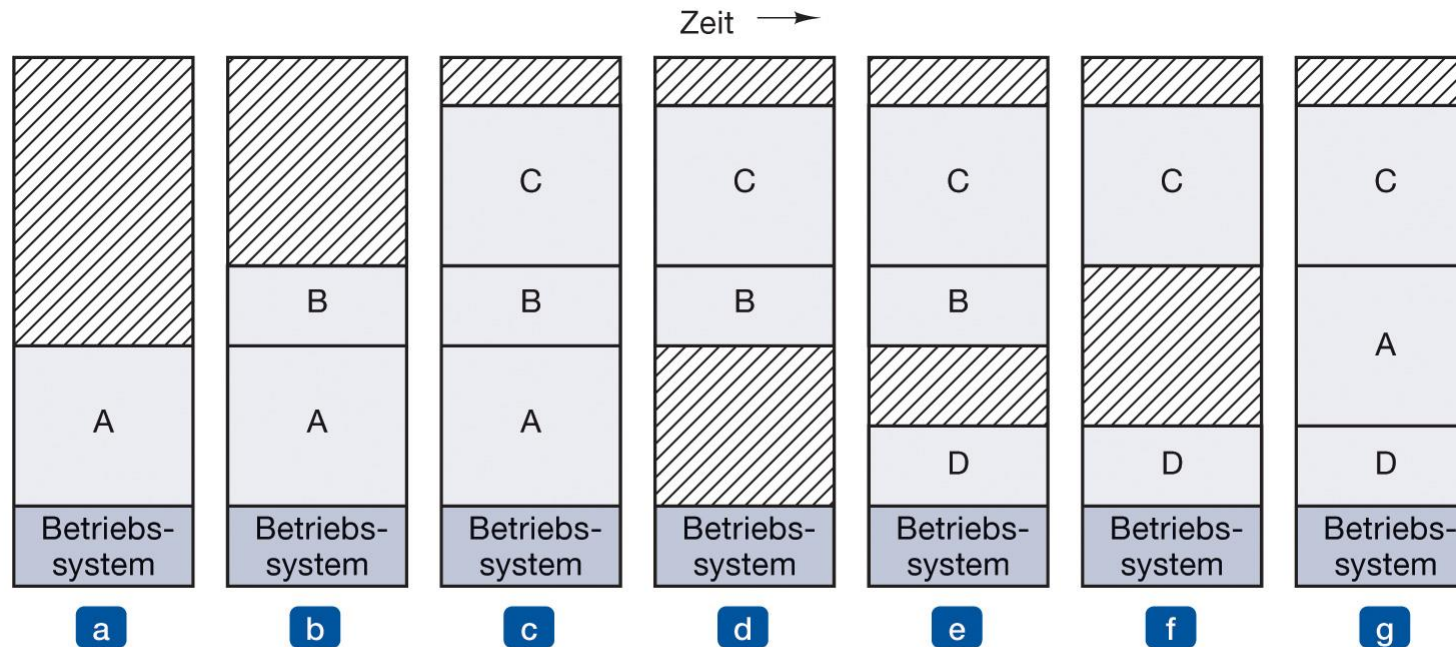
## Virtueller Speicher

- Prozesse laufen auch dann, wenn sich nur ein Teil von ihnen im Hauptspeicher befindet.
- Dieser Teil muss nicht zusammenhängend sein und kann über nicht zusammenhängende Hauptspeicherbereiche verteilt sein.



# Beispiel Swapping

Trong swapping, nếu bộ nhớ chính không đủ để chứa tất cả dữ liệu của một tiến trình, hệ điều hành sẽ loại bỏ một hoặc nhiều tiến trình khác khỏi bộ nhớ chính để tạo chỗ cho tiến trình đó.



Trong virtual memory, nếu bộ nhớ chính không đủ để chứa tất cả dữ liệu của một tiến trình, hệ điều hành sẽ chỉ tải vào bộ nhớ chính một phần dữ liệu của tiến trình đó. Phần dữ liệu còn lại của tiến trình sẽ được lưu trữ trên ổ cứng.

**Abbildung 3.4:** Mit der Ein- und Auslagerung von Prozessen ändert sich die Speicherbelegung. Die schraffierten Bereiche sind ungenutzt.

[AT]

- + Einfache Relokation über Basis- und Limit Register
- Fragmentierung
- Für alle Prozesse muss gelten: Hauptspeicher  $\geq$  Speicherbedarf des Prozesses: Ansonsten ist eine aufwendige und fehleranfällige Overlay Technik notwendig
- **Working Set nicht genutzt**

# Hauptspeicheraufteilung bei Multiprogramming: Feste Partitionierung

## Aufteilung in Partitionen fester Größe

- Jeder Prozess, dessen Platzbedarf **nicht** über der **Größe einer freien Partition** ist, **kann geladen werden**
- Das Betriebssystem kann einzelne Prozesse leicht aus-/ einlagern (wenn alle Partitionen belegt sind)  
auslagern(roi kho)   einlagern(cho vao kho)

## Varianten

- Alle Partitionen haben eine einheitliche Größe
- Es gibt unterschiedliche Partitionsgrößen (→ Verringerung des „Verschnitts“)

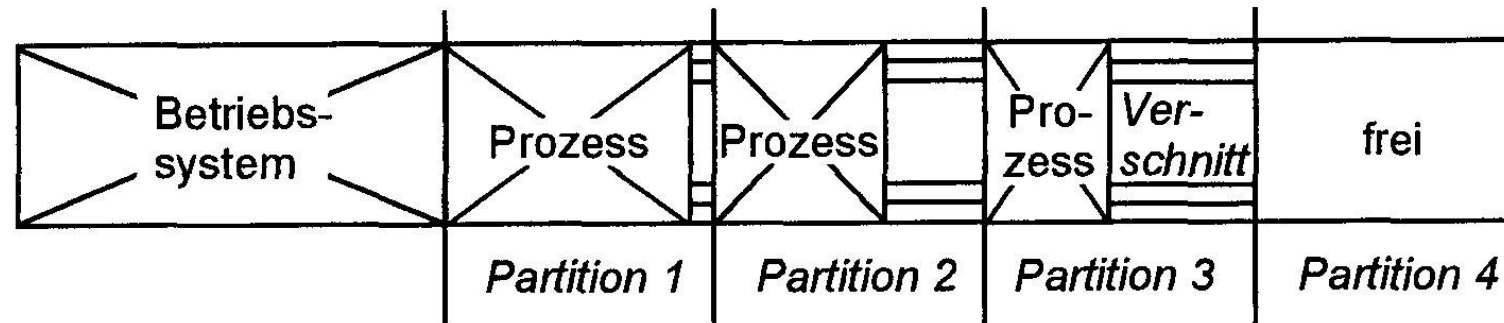
## Nachteile

- Wenn ein Programm zu groß für eine Partition ist, muss der Programmierer das Programm aufteilen: „Overlay“-Technik
- Der Hauptspeicher wird nicht hieu qua effizient genutzt, jedes Programm belegt eine komplette Partition → „Verschnitt“ → ungenutzter freier Speicher (Interne Fragmentierung)

# Beispiel: Partitionierung

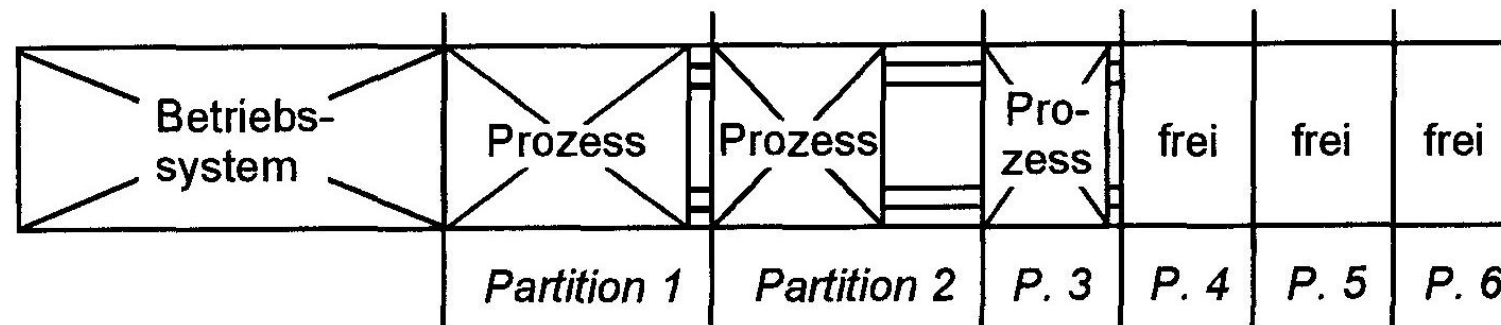
phân vùng đồng kích thước

## b.1.) feste Hauptspeicher-Partitionen einheitlicher Größe



phân vùng khác kích thước, tiết kiệm bộ nhớ

## b.2.) feste Hauptspeicher-Partitionen unterschiedlicher Größen



[CV]

# Hauptspeicheraufteilung bei Multiprogramming: Dynamische Partitionierung

dieu phoi phan vung dong

- **Variable Anzahl** von Partitionen **unterschiedlicher Größe**
- Die Partitionen werden an die Prozessgröße <sup>dieu chinh</sup> angepasst
  - Nach Zuweisung einer Partition zu einem Prozess wird der restliche freie Platz eine neue Partition <sup>phan bo</sup>
  - Zusammenfassen von freien aufeinander folgenden Partitionen ist möglich <sup>co the ket hop lien tietp cac Phan vung con dang trong</sup>

## Nachteile

Neu phan vung nay lon hon nhu cau cua tien trinh, thi se tao ra mot lo trong bo nho. Cac lo nay co the lam giam hieu qua su dung bo nho.

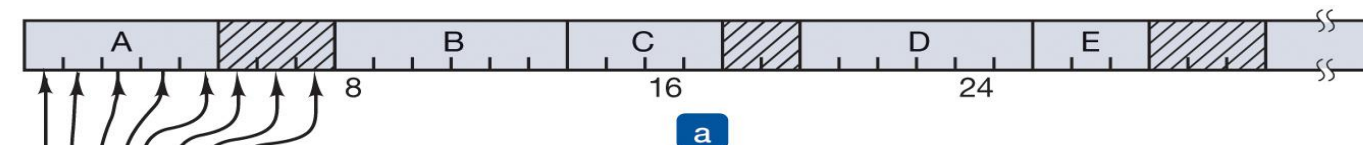
- Der Hauptspeicher wird nicht effizient genutzt: Es entstehen „Löcher“ im Speicher durch kleine Partitionen (**Externe Fragmentierung**)
 

<sup>su nen bo nho</sup> Abhilfe: Memory compaction (Speicherverdichtung): Das Betriebssystem könnte die Partitionen <sup>Su nen bo nho la mot qua trinh trong do cac phan vung duoc di chuyen de lap day cac lo trong bo nho</sup> umkopieren (ist aber sehr zeitaufwändig)
- Wenn ein Programm zu groß für eine Partition ist, muss der Programmierer das Programm aufteilen: „Overlay“-Technik

# Verwaltung des freien Speichers

## Bitmaps

- Standardverwaltungstechnik: Wird nicht nur für dyn. Partitionen eingesetzt
- Teile den Speicher in Belegungseinheiten (Segmentgröße) fester Größe (einige Kilobyte)
- Eine Tabelle speichert für jedes Segment in einem Bit, ob das Segment **belegt** (Bit = 1) oder **frei** (Bit = 0) ist.



[AT]

### Diskussion

chon kich thuoc phu hop cho tung Segment de toi uu hoa viec quan ly bo nho va kich thuoc bang bitmap.

- Segmentgröße vs. Tabellengröße

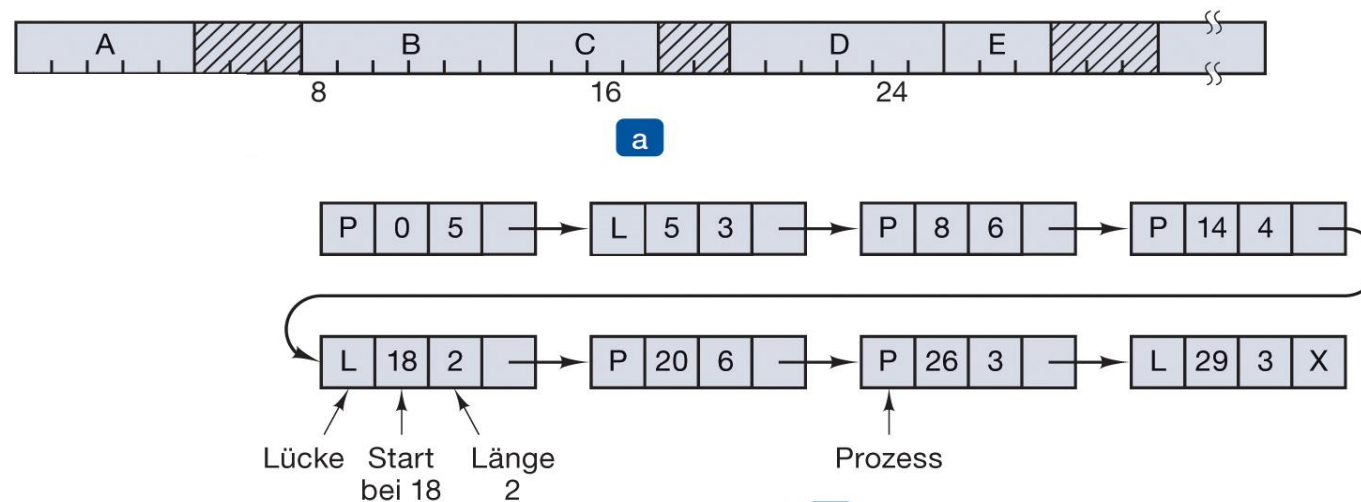
- Finden eines freien Speicherbereichs von K Byte Größe

he thong phai tim kiem trong bitmap de xac dinh xem co du vung trong lien tuc co kich thuoc K byte khong.

# Verwaltung des freien Speichers

## Verkettete Liste

- Standardverwaltungstechnik: Wird nicht nur für dyn. Partitionen eingesetzt
- Die Liste enthält folgende Informationen: Belegt (P) / frei (L) ; Startadresse des Segments, Länge des Segments
- Sortierte Liste nach Speicheradressen
- Alternative: Mehrere Listen für unterschiedliche Größen von freiem Speicher





# Dynamische Partitionierung: Platzierungsstrategien

## Allgemein

- Das Betriebssystem muss entscheiden., welche freien Partitionen welchem Prozess zugewiesen werden

## Algorithmen

bat dau tu dau danh sach cac phan vung trong va tim phan vung dau tien co kich thuoc du lon de chua tien trinh.

- Algorithmus **First-Fit**: Sucht von vorne die nächste freie Partition, die passt

bat dau tu phan vung trong gan nhat voi phan vung ma tien trinh truoc do da duoc cap phat va tim phan vung dau tien co kich thuoc du lon de chua tien trinh.

- Algorithmus **Next-Fit**: Sucht ab der zuletzt belegten Partition die nächste freie Partition, die passt

phan vung trong co kich thuoc nho nhat co the chua tien trinh.

- Algorithmus **Best-Fit**: Auswahl der freien Partition, bei der am wenigsten Platz verschwendet wird

chia danh sach cac phan vung trong thanh cac danh sach con, moi danh sach con chua cac phan vung co kich thuoc tuong tu. He dieu hanh sau do tim phan vung trong danh sach con phu hop nhat voi tien trinh

- Algorithmus **Quick Fit**: Getrennte Listen für Löcher gebräuchlicher Größe

Analyse der Algorithmen auf Basis von charakteristischen Szenarien ist entscheidend

# Vergleich der Platzierungsstrategien (quantitativ)

## First-Fit

- Schnellstes Verfahren!
- Viele Prozesse im vorderen Speicherbereich, meist hinten noch Platz für große Prozesse

## Best-Fit

- Schlechtestes Ergebnis!
- Aufwändigste Suche
- Weil immer kleine Speicherreste bleiben, muss das Betriebssystem häufig umsortieren

## Next-Fit

- Belegt Speicher gleichmäßiger als First-Fit, nachteilig für große Prozesse

## Quick-Fit

- Sehr schnell

## Betriebssysteme BS-ITS

# 4. Speicherverwaltung

1. *Einführung und Grundlagen*
2. *Swapping*
3. ***Virtuelle Speicherverwaltung***
4. *Seitenersetzungsverfahren*
5. *Entwurfsaspekte*
6. *UNIX*

# Motivation

## Probleme Swapping

- Keine Nutzung des Working Sets ko su dung hieu qua cac tap hop lam viec cua Prozess
- Fragmentierung van de phan manh
- Speicherbedarf Prozess > Hauptspeicher: aufwendige Overlay Technik

## Anforderungen an einen optimalen Speicher

- **Unbeschränkte Größe**, so dass jedes beliebig große Prozess ohne zusätzlichen Aufwand geladen und verarbeitet werden kann
- **Einheitliches Adressierungsschema** für alle Speicherzugriffe (keine Unterscheidung von Speichermedien)
- **Direkter Zugriff** auf den Speicher (ohne Zwischentransporte)
- **Schutz vor fremden Zugriffen** in den eigenen Speicherbereich

## Lösungsansatz: Virtuelle Speicherverwaltung

# Paging

- Ein **Prozess** hat einen **eigenen Adressraum** – **virtueller Adressraum**
- Eine vom **Programm generierte** Adresse ist eine **virtuelle Adresse** aus dem **virtuellen Adressraum**
- Der virtuelle **Adressraum** ist in **Seiten (pages)** eingeteilt
- **Alle Seiten** sind in der Regel auf der **Festplatte** gespeichert
- Der **physikalische Speicher** ist in **Seitenrahmen (page frames)** eingeteilt.
- Die MMU/TLB bildet über die **Seitentabelle** Seiten auf Seitenrahmen ab. Eine Seitentabelle pro Prozess.
- Nur die gerade benutzten / relevanten Seiten sind auf Seitenrahmen abgebildet – stehen im Hauptspeicher.
- I.a. sind **Seiten und Seitenrahmen gleich groß** (zwischen 512 Byte und 64KiB)

MMU/TLB (Memory Management Unit/Translation Lookaside Buffer): Thuc hien anh xa tu trang(Seite- Page- virtual Adressraum) sang khung trang(seitenrahmen-page frames-physikalische Speicher).

# Abbildung virtueller Speicher auf den physikalischen Speicher

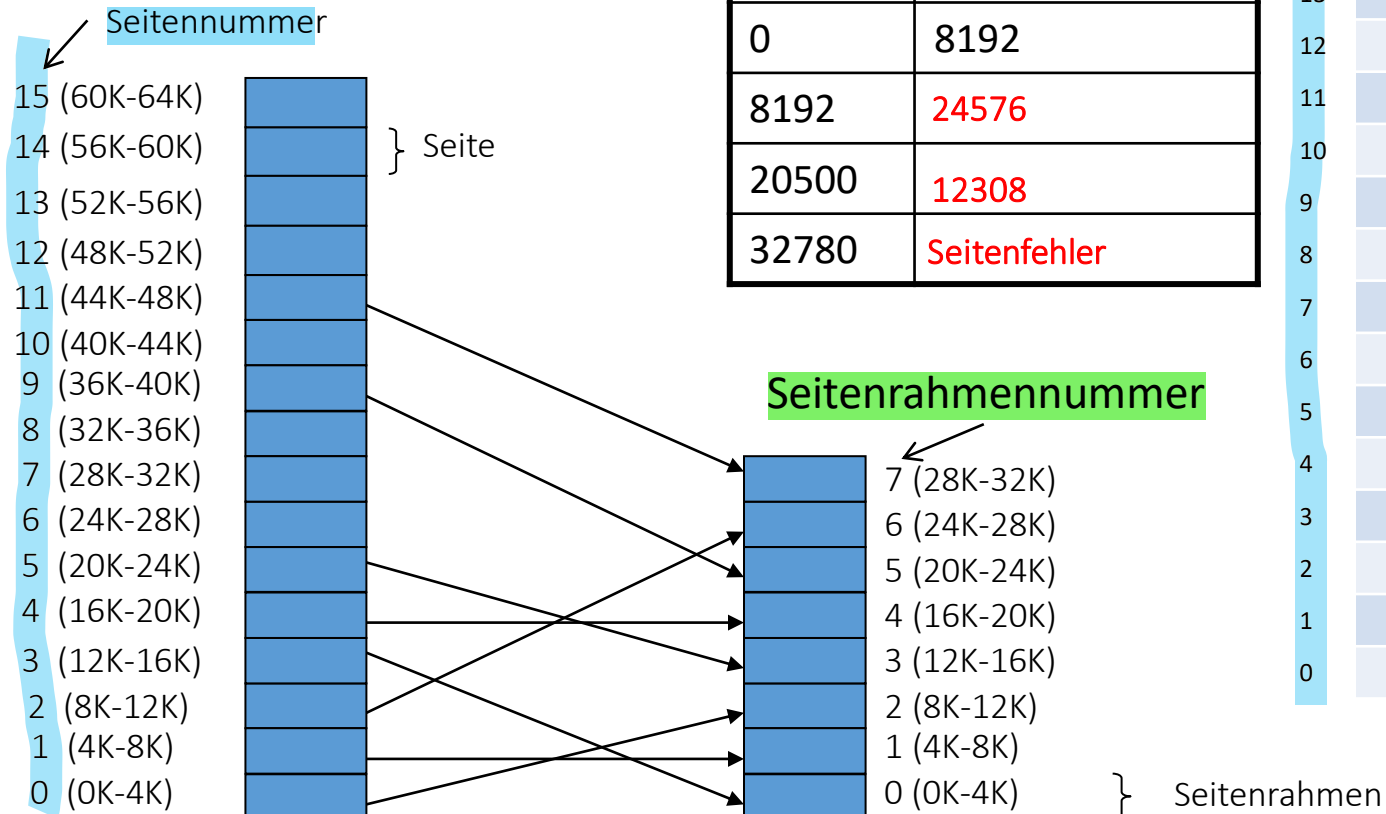
Platte: Virtueller Adressraum (64KiB)  
Hauptspeicher: 32KiB  
4096 Byte pro Frame bzw. Page

Beispiele:

Virtuelle Adresse	Physikalische Adresse
0	8192
8192	24576
20500	12308
32780	Seitenfehler

Seitentabelle

	page frame	present bit
15		0
14		0
13		0
12		0
11	7	1
10		0
9	5	1
8		0
7		0
6		0
5	3	1
4	4	1
3	0	1
2	6	1
1	1	1
0	2	1



## Abbildung virtueller Speicher auf den physikalischen Speicher (2)

### Standardtechnik

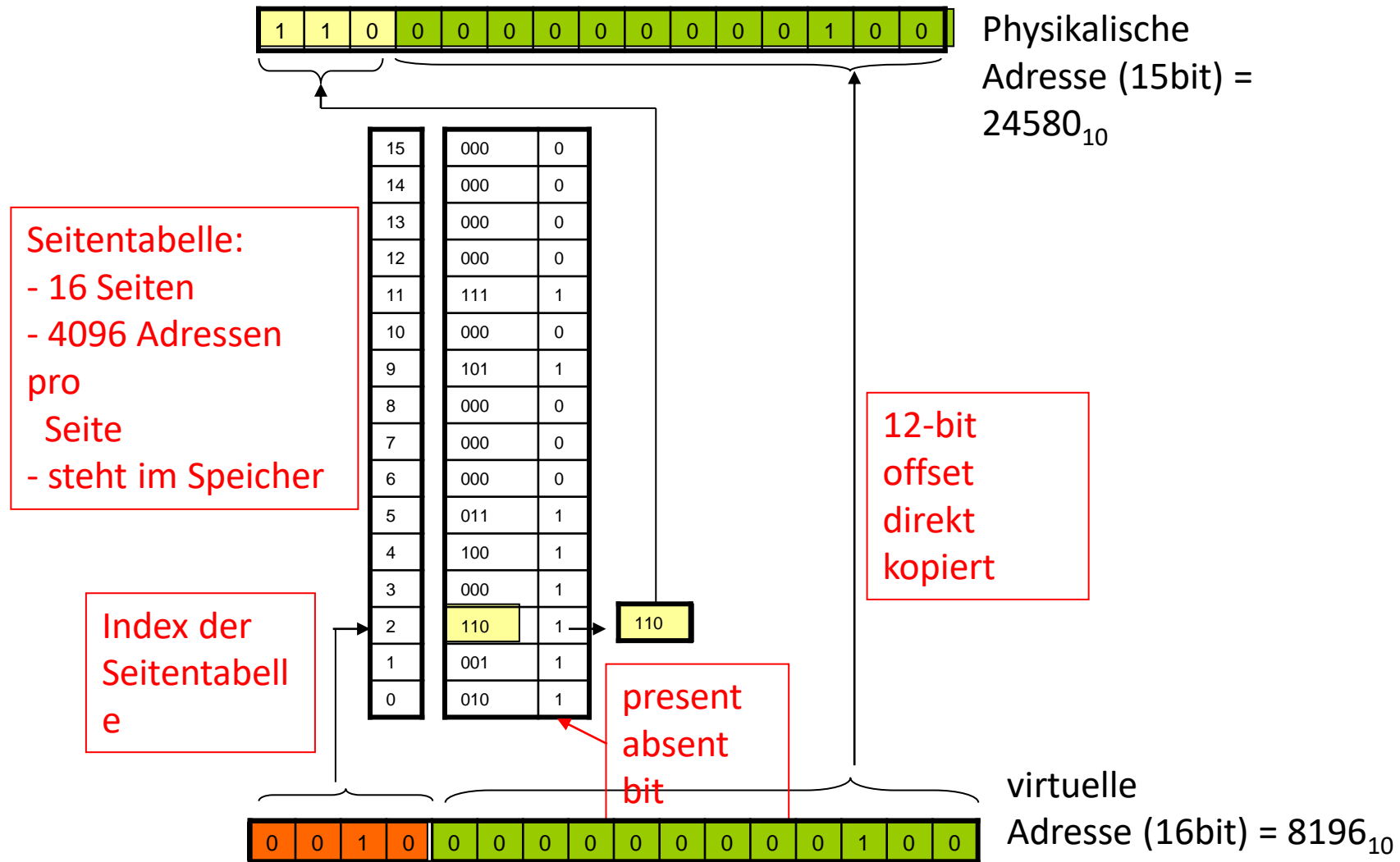
- Zweiteilung der virtuellen Adresse
- Seitennummer dient als Index in der Seitentabelle
- Offset: physikalische Adresse im Seitenrahmen

virtuelle Adresse



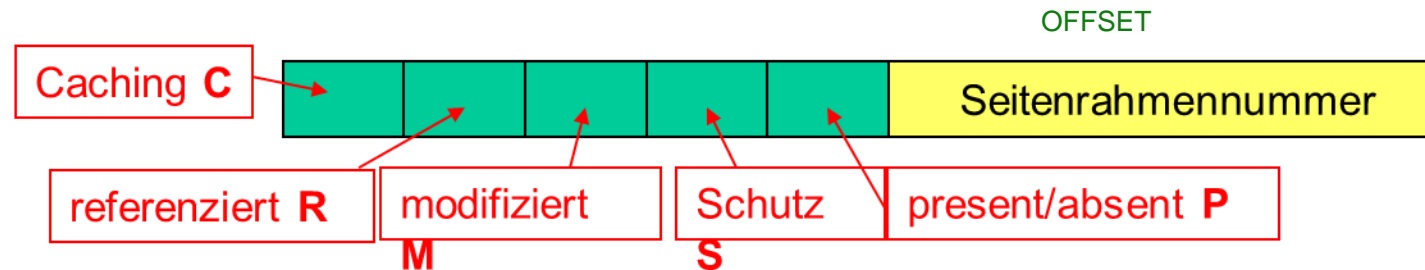
$$\text{adr}_{\text{physikalisch}} = f_{\text{Seitentabelle}}(\text{adr}_{\text{logisch}})$$

- **Beispiel:** 64KiB virtueller AR, 32KiB physikalischer AR





# Seitentabelleneintrag



- P Bit: zeigt an, ob die Seite im Speicher steht  
 P = 0 : Seite ist nicht im Hauptspeicher: → Seitenfehler: die Seite muss in den Hauptspeicher geladen werden.
- S Bit: Schreib/Lese Schutz
- M Bit: Die Seitenrahmen hat andere Werte als die Seite auf der Festplatte  
 M = 1 : Bein **Auslagern** muss die **Seite auf Festplatte geschrieben** werden
- R-Bit: auf die Seite wurde zugegriffen (lesend oder schreibend)
- C Bit: Bei Eingabe per I/O-Gerät  
 C = 0 : Seite darf nicht gecached werden

## Praktisches Beispiel

### Setup

- 32 Bit breite virtuelle Adressen
- 4 KiB Seitengröße

### Größe der Seitentabelle

- $2^{32} / 2^{12} = 2^{20} \approx 1$  Million Einträge
- Bei 4 Byte pro Eintrag: Größe der Seitentabelle : 4 MB

### Zeit zur Umrechnung einer virtuellen Adr. in eine physikalische Adr.

- Zugriff auf die Seitentabelle darf nicht länger als 1ns dauern, ansonsten werden Tabellenzugriffe zum Engpass

### Bedarf

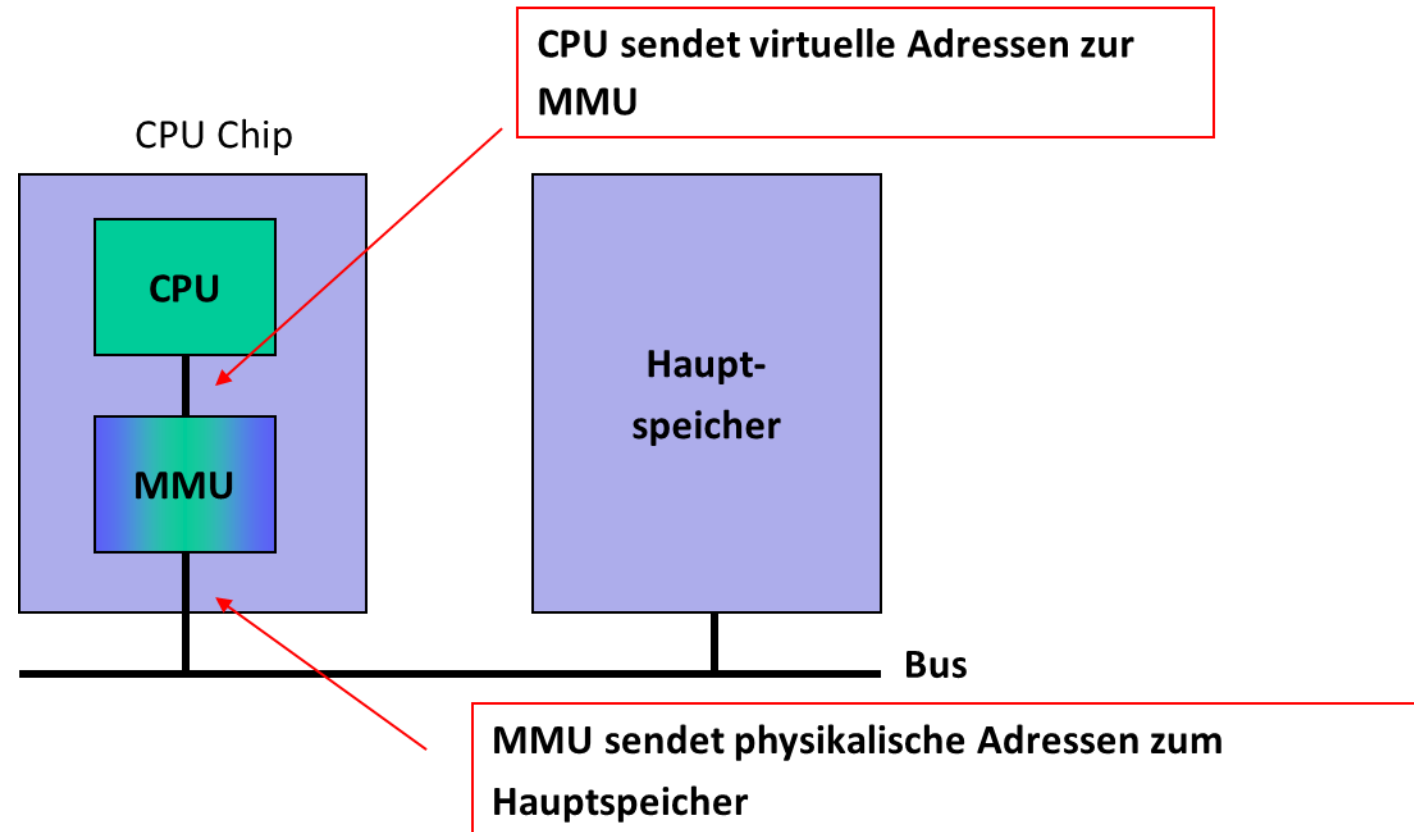
- Schnelles Abbilden - auch für sehr große Seitentabellen

### Vorteil

- Nutze Workingset aus

# MMU: Memory Management Unit

Die MMU (Memory Management Unit) bildet virtuelle Adressen auf physikalische Adressen ab.



# TLB: Translation Lookaside Buffer

- Komponente der MMU
- Ist ein Assoziativspeicher TLB hoạt động như một bộ nhớ liên kết.
- Für eine kleine Zahl (32 bis 1024) häufig genutzter Seiten, bildet der TLB virtuelle Adressen auf physikalische Adressen ab - unter Umgehung der Seitentabelle
- Trefferquoten in der Praxis: 80% - 98%
- Wer behandelt TLB Miss (HW oder BS)?

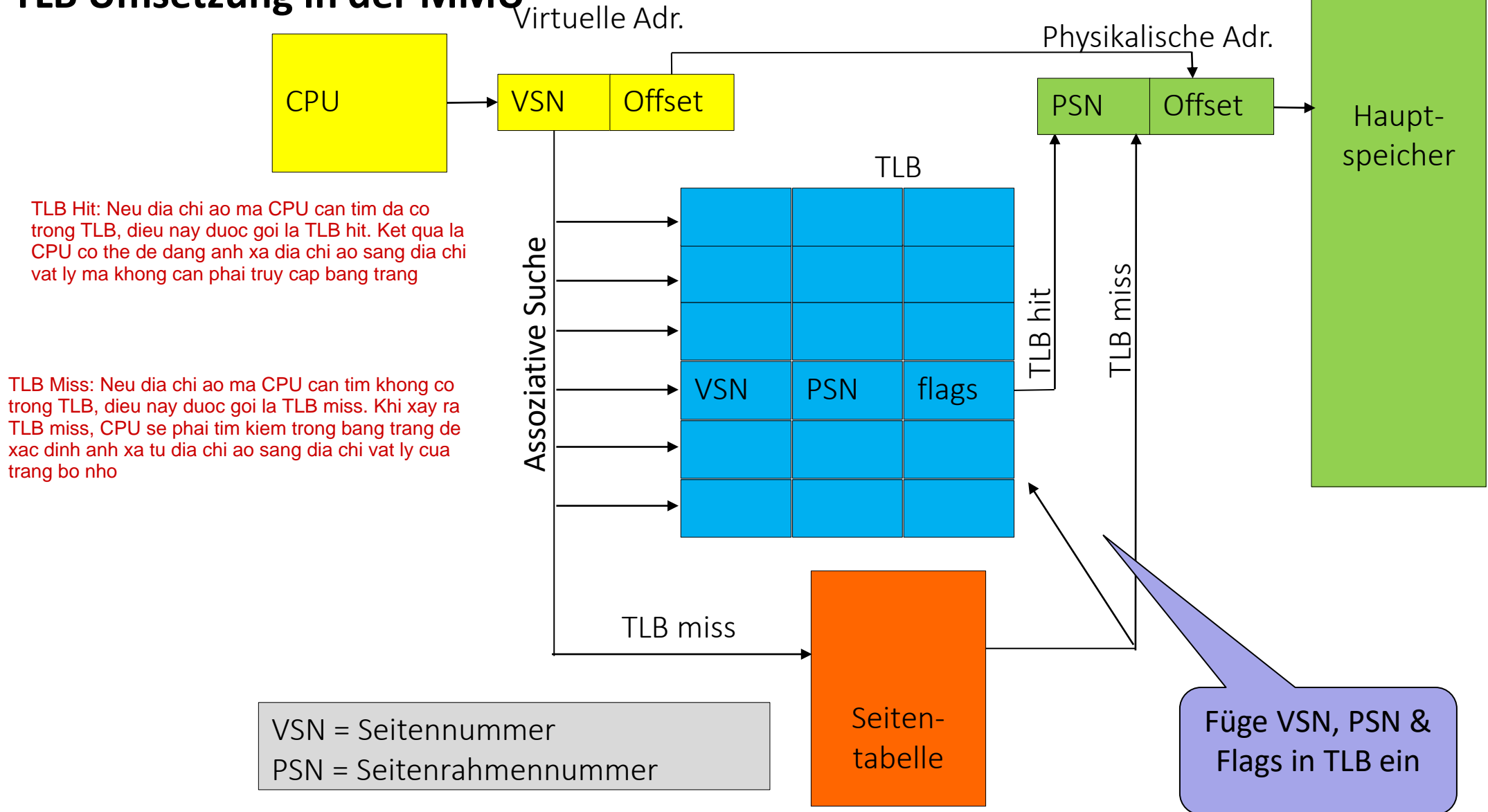
## Arbeitsweise

- Falls Seitennummer (virtuell) im TLB (suche parallel)
  - Überprüfe Schreibschutz auf Basis des S-Bits (ggf. löse Schutzverletzung aus) Kiểm tra quyền ghi dựa trên bit bảo vệ
  - Falls Schreibschutz o.k., nehme Seitenrahmennummer aus dem TLB Neu quyền ghi là hợp lệ, lấy số khung trang từ TLB.
- Falls Seitenadresse nicht im TLB Neu địa chỉ trang không tồn tại trong TLB:
  - MMU nimmt Seitenrahmennummer aus Seitentabelle (wie gewöhnlich) MMU lấy số khung trang từ bảng trang như thông thường.
  - Überschreibe „ältesten“ Eintrag im TLB mit dieser Seitenadresse + restliche Info, schreibe vorher M-Bit des ältesten Eintrag in die Seitentabelle zurück.

P Bit	Virtuelle Seite	M Bit	S Bit	Seitenrahmen
1	140	1	RW	31
1	20	0	R	38
1	130	1	RW	29
1	129	1	RW	62
1	19	0	R	50
1	21	0	R	45
1	860	1	RW	14
1	861	1	RW	75

Ghi đề thông tin của "ban ghi cũ nhất" trong TLB bằng thông tin về địa chỉ trang mới + các thông tin còn lại, trước khi đặt lại bit M (modified) của ban ghi cũ nhất trong bảng trang.

# TLB Umsetzung in der MMU



# Mehrstufige Seitentabellen

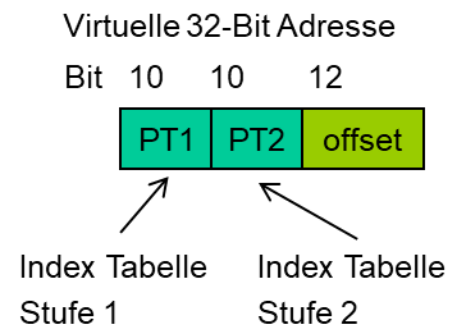
## Problem

- Große virtuelle Adressräume führen zu sehr großen Seitentabellen.

## Idee

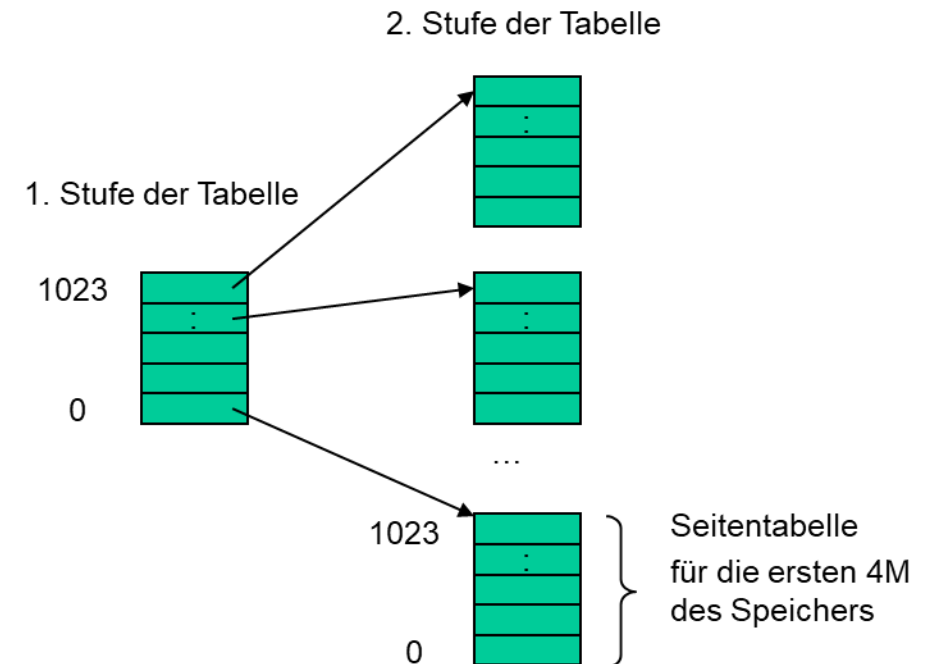
- Seitentabelle wird in 2 oder mehr Stufen aufgebaut. Nur Teile der Seiten-tabelle werden zeitgleich im Speicher gehalten (müssen existieren)

## Beispiel



Thay vì giữ toàn bộ bảng trang trong bộ nhớ mỗi khi một tiến trình hoạt động, chỉ một phần nhỏ của bảng trang sẽ được giữ trong bộ nhớ, còn phần còn lại sẽ được lưu trữ ở nơi khác, có thể là trên đĩa cứng.

Cấu trúc đa cấp này giúp giảm tải cho việc quản lý bộ nhớ, vì chỉ cần duy trì một phần nhỏ của bảng trang cần thiết trong bộ nhớ tại một thời điểm. Khi cần, hệ thống sẽ thực hiện việc đổi chỗ các phần của bảng trang để phù hợp với việc hoạt động của tiến trình cụ thể.



# Invertierte Seitentabellen

## Beispiel

- 64 Bit breite virtuelle Adressen, Seitengröße 4 KiB, 256 MiB Speicher.

## Ansatz der invertierten Seitentabelle

*Thay vì lưu trữ thông tin về các trang, bảng trang chỉ lưu trữ thông tin về các khung trang (frames)*

- Seitentabelle hält Einträge für jeden Seitenrahmen (und nicht für die Seiten selbst)
- Eintrag: Prozess + Seitennummer – also nur eine Tabelle für alle Prozesse.

## Vorteil

*Phương pháp này tiết kiệm không gian lưu trữ rất lớn vì chỉ cần lưu trữ thông tin về khung trang, không cần lưu trữ thông tin của từng trang.*

- spart enorme Menge an Speicherplatz Beispiel:  $256 \text{ MiB} / 4 \text{ KiB} = 65536$  Einträge

## Nachteil

- Abbildungsfunktion aufwändig (langsam)
  - Aber wir haben ja dem TLB
  - praktikabel: Nutze Hashtabelle mit Hashwerten H (ProcessId, virtuelle\_Adresse)
  - virtuelle Seiten im Speicher mit gleichen Hashwert sind verkettet

## Betriebssysteme BS-ITS

# 4. Speicherverwaltung

1. *Einführung und Grundlagen*
2. *Swapping*
3. *Virtuelle Speicherverwaltung*
4. ***Seitenersetzungsverfahren***
5. *Entwurfsaspekte*
6. *UNIX*



## Idee

- Bei einem Seitenfehler wählt das Betriebssystem eine Seite aus, welche aus dem Speicher entfernt wird, um einer neuen Seite Platz zu machen

## Vorgehensweise

- Wähle auszulagernde Seite aus. Chon trang can bi loai bo.
- Wurde die Seite modifiziert, so wird die korrespondierende Seite auf der Platte aktualisiert. Neu trang da bi sua doi, trang tuong ung tren dia cung se duoc cap nhat.
- Ersetze die alte Seite durch eine neue Seite Thay the trang cu bang trang moi ma CPU can truy cap.

## Ziel

- Geringe Anzahl von Seitenfehlern

# Ladestrategien

Doc theo yeu cau

## **Demand Paging** liest Seiten erst ein, wenn auf sie zugegriffen wird

- Einlesen der Seite bei Page-Fault Khi xay ra loi trang (page fault), trang se duoc doc tu dia cung vao bo nho
- Viele Page-Faults bei Prozess-Start Trong giai doan khoi dau cua mot tien trinh, co the xay ra nhieu loi trang vi da so trang can thiet cho tien trinh nay chua duoc doc vao bo nho.

Doc truoc

## **Pre-Paging** liest neben der angeforderten Seite einige weitere Seiten mit ein

- z.B. die nächsten Seiten des Programmcodes oder beim Prozesswechsel die „zuletzt“ genutzten Seiten des Prozesses. Doc truoc khong chi trang duoc yeu cau ma con cac trang co the duoc su dung gan day hoac lien quan den trang duoc yeu cau.
- Entspricht der Charakteristik der Platte – d.h. ist effektiv – wenn Seiten auf der Platte physikalisch hintereinander liegen Hieu qua neu cac trang tren dia cung duoc dat gan nhau vat ly.
- Aber: Werden die Seiten wirklich benötigt?  
Tuy doc truoc co the tang toc do nap trang, nhung cung co the dan den viec doc khong can thiet neu cac trang do khong duoc su dung.

# 1. Optimaler Algorithmus

## Vorgehensweise

Moi trang duoc danh dau voi so lenh thuc hien truoc khi trang do duoc truy cap lan tiep theo.

1. Markiere jede Seite mit der Anzahl der Instruktionen, die zur Ausführung gelangen, bevor auf diese Seite das nächste mal referenziert wird.
2. Entferne die Seite mit größter Markierung. Xoa trang co so lenh lon nhat.

## Beurteilung

Thuat toan nay duoc coi la "toi uu" vi no loai bo trang it duoc su dung nhat.

- "optimal", da die aktuell am wenigsten genutzte Seite ausgelagert wird.
- Thuat toan nay khong thuc hien duoc trong thuc te vi khong the du doan truoc duoc so lan truy cap toi moi trang trong tuong lai. nicht implementierbar, da Markierungen nicht ermittelbar sind – Blick in die Zukunft.
- dennoch sinnvoll, da per Simulation und "Zweifachdurchlauf" für konkretes Programm Vergleichsmöglichkeit mit anderen Algorithmen besteht.

Mac du khong thuc hien duoc trong thuc te, nhung viec su dung mo phong va "dong chay kep" cho mot chuong trinh cu the co the so sanh thuat toan nay voi cac thuat toan khac.

## 2. NRU: Not recently used Algorithmus

### Vorgehensweise

He dieu hanh phan loai cac trang vao bon nhom khac nhau.

1. BS ordnet die Seiten in “vier” Kategorien ein
2. Entferne eine zufällige Seite aus der niedrigsten Kategorie, welche zumindest eine Seite enthält

Loai bo mot trang ngau nhien tu nhom co muc do uu tien thap nhat, nhom nay chua it nhat mot trang.

Bit M thường được sử dụng cùng với bit R (Reference bit) để quản lý việc thay đổi và truy cập vào trang. Khi trang được truy cập, bit R được đặt lên để chỉ rằng trang đã được truy cập. Khi trang được thay đổi, bit M sẽ được đặt lên để chỉ rằng trang đã được sửa đổi.

Kategorie	Referenziert (R Bit)	Modifiziert(M Bit)
0	0	0
1	0	1
2	1	0
3	1	1

Wann wird welches Bit gesetzt?

Zyklisches Rücksetzen des R Bits (typisch alle 20 ms)

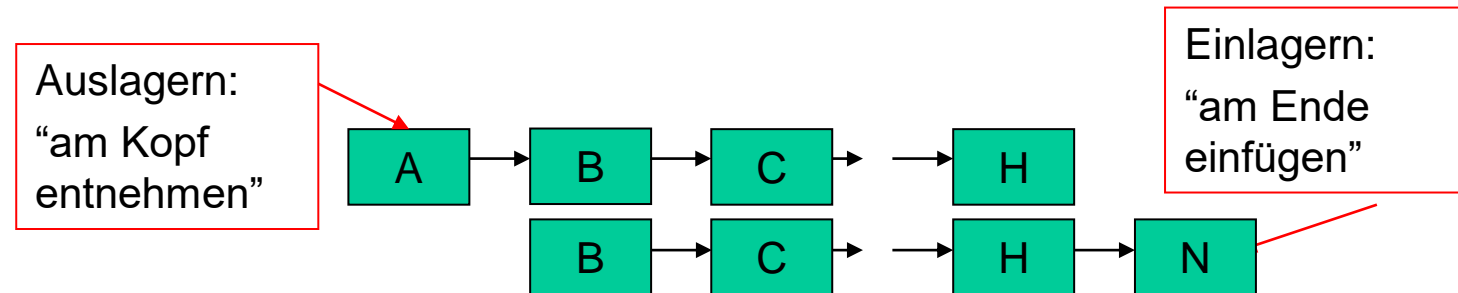
### Beurteilung

- Grundlage: Working Set, wobei R-Bit stärker gewichtet ist als M-Bit
- leicht zu verstehen und effizient implementierbar
- bessere Leistung wünschenswert, jedoch oftmals ausreichend

### 3. FIFO: First In First Out

#### Vorgehensweise

1. Die Seiten stehen als verkettete Liste im Speicher
2. Bei Seitenfehler wird Seite am Listenkopf entfernt
3. Neue Seite wird an das Ende gesetzt



#### Beurteilung

- Die älteste Seite wird ausgelagert
- Keine Unterscheidung zwischen intensiv genutzten Seiten und wenig genutzten Seiten
- FIFO ist für den praktischen Einsatz ungeeignet

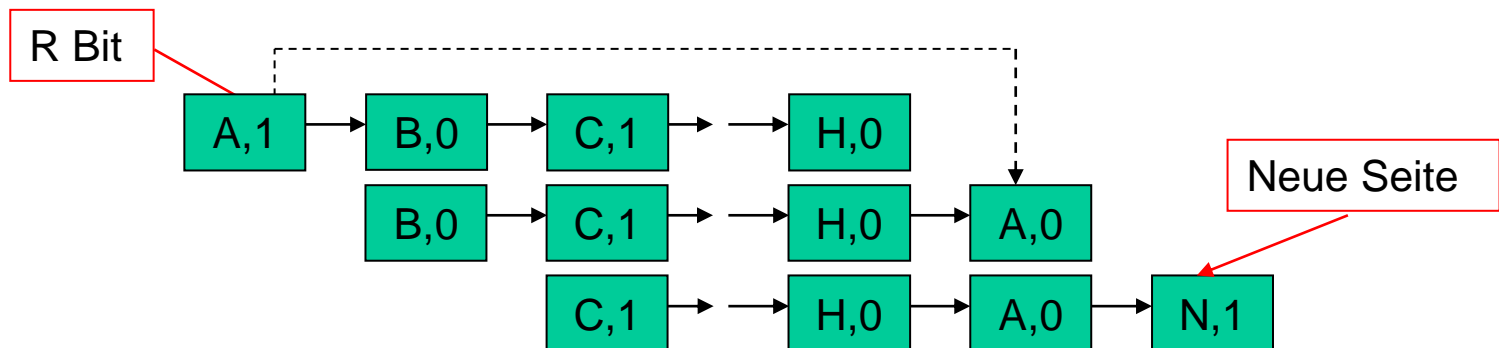
## 4. 2C-FIFO: Second Chance FIFO

### Vorgehensweise

1. Die Seiten stehen als verkettete Liste im Speicher
2. Bei Seitenfehler untersuche Listenkopf:  
 If  $R=0$ , lösche Kopfseite und füge neue Seite mit  $R:=1$  an das Ende der Liste  
 If  $R=1$ , verschiebe Kopfseite an das Ende der Liste und setze  $R:=0$ 

Neu bit R của trang đầu danh sách bằng 0, nghĩa là trang này không được truy cập gần đây, nó sẽ bị loại bỏ và trang mới với bit R được thiết lập thành 1 sẽ được thêm vào cuối danh sách.

Neu bit R của trang đầu danh sách bằng 1, nghĩa là trang này được truy cập gần đây, nó sẽ được di chuyển xuống cuối danh sách và bit R sẽ được thiết lập thành 0.
3. Wiederhole Schritt 2, solange bis eine Seite ersetzt wurde



### Beurteilung

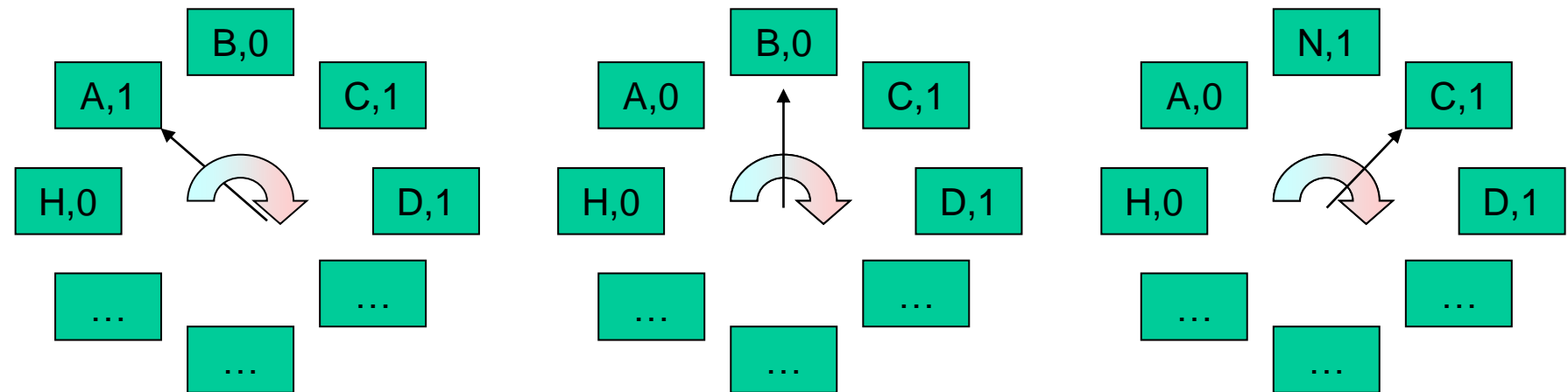
- Was passiert, wenn bei allen Seiten das R-Bit gesetzt ist?
  - Relativ einfach realisierbar
  - Relativ hoher Verwaltungsaufwand → Verschieben von Listenelementen
- Neu tất cả các trang đều có bit R được thiết lập, thuật toán sẽ lặp lại việc di chuyển các trang đến khi có một trang có bit R bằng 0 hoặc một trang được thay thế.

## 5. Clock

### Vorgehensweise

Cac trang trong bo nho duoc sap xep duoi dang danh sach lien ket vong

1. Die Seiten stehen als zyklisch verkettete Liste im Speicher
2. Bei Seitenfehler untersuche zyklische Liste:  
 If  $R==0$ , lösche Seite und setze neue Seite mit  $R:=1$  ein  
 else if  $R==1$ , setze  $R:=0$  fi  
 Gehe zum nächsten Element  
 Neu bit R của trang bằng 0, trang sẽ bị xóa và trang mới với bit R được thiết lập thành 1 sẽ được thêm vào.  
 Neu bit R của trang bằng 1, bit R sẽ được thiết lập thành 0  
 Di chuyển đến phần tử tiếp theo trong danh sách.
3. Wiederhole Schritt 2 bis Fall  $R==0$  eingetreten ist



### Beurteilung

Gleiches Ersetzungsverhalten wie 2C-FIFO, aber niedrigerer Verwaltungsaufwand als 2C-FIFO

## 6. LRU: Last Recently Used Algorithmus

### Beobachtung

- Seiten, welche für die letzten Befehle oft genutzt wurden, werden mit hoher Wahrscheinlichkeit auch für die kommenden Befehle genutzt
- Bei Seitenfehler: entferne die am längsten ungenutzte Seite

### Vorgehensweise 1

1. Alle Seiten stehen in einer verketteten Liste Tat ca cac trang duoc to chuc duoi dang danh sach lien ket.
2. Beim Zugriff auf eine Seite, wird Sie an den Anfang der Liste gesetzt Khi mot trang duoc truy cap, trang do duoc chuyen len dau danh sach.
3. Die Seite am Ende der Liste ist die am längsten ungenutzte Seite Trang o cuoi danh sach duoc coi la trang khong duoc su dung trong thoi gian dai nhat.

### Vorgehensweise 2 (in Hardware)

1. 64 Bit Register, das bei jedem CPU Takt erhöht wird
2. Pro Seite eine 64 Bit Eintrag, der bei Zugriff auf die Seite mit den aktuellen Zählerwert belegt wird Moi trang co mot muc 64 bit, gia tri nay duoc cap nhat khi trang duoc truy cap.
3. Die Seite mit dem niedrigsten Eintrag ist die am längsten ungenutzte Seite Trang co gia tri nho nhat duoc xem la trang khong duoc su dung trong thoi gian dai nhat.

### Beurteilung

- Aufwändig in Hardware
- Kommt dem Optimum sehr nahe



## 6. LRU: Last Recently Used Algorithmus (2)

### Vorgehensweise 3 (in Hardware)

Doi voi n khung trang, can mot ma tran bit co kich thuoc  $n \times n$  duoc khoi tao voi gia tri 0.

1. Bei  $n$  Seitenrahmen wird eine  $n \times n$  Bitmatrix benötigt, die mit 0 initialisiert ist.

Khi truy cap vao khung trang thu  $n$ , hang thu  $n$  se duoc thiet lap thanh 1, cot thu  $n$  se duoc thiet lap thanh 0.

2. Zugriff auf Seitenrahmen  $n$ :  $n$ -te Zeile wird auf 1 gesetzt,  $n$ -te Spalte wird auf 0 gesetzt.

3. Interpretiere die Zeilen als Binärzahlen (unsigned): Die Zeile mit dem niedrigsten Wert wurde am längsten nicht benutzt. Giai ma cac hang nhu so nhi phan (unsigned): Hang co gia tri thap nhat se bieu thi cho trang khong duoc su dung trong thoi gian dai nhat.

seitenrahmen 0 ,  
zeile 0 wird 1 gesetzt  
Spalte 0 wird 0 gesetzt

	Seite					Seite					Seite					Seite					Seite					Seite					Seite				
	0	1	2	3		0	1	2	3		0	1	2	3		0	1	2	3		0	1	2	3		0	1	2	3		0	1	2	3	
0	0	1	1	1		0	0	1	1		0	0	0	1		0	0	0	0		0	0	0	0		0	0	0	0		0	0	0	0	
1	0	0	0	0		1	0	1	1		1	0	0	1		1	0	0	0		1	0	0	0		1	0	0	0		1	0	0	0	
2	0	0	0	0		0	0	0	0		1	1	0	1		1	1	0	0		1	1	0	1		1	1	0	1		1	1	0	1	
3	0	0	0	0		0	0	0	0		0	0	0	0		1	1	1	0		1	1	0	0		1	1	0	0		1	1	0	0	
	<b>a</b>					<b>b</b>					<b>c</b>					<b>d</b>					<b>e</b>														
	0	0	0	0		0	1	1	1		0	1	1	0		0	1	0	0		0	1	0	0		0	1	0	0		0	1	0	0	
	1	0	1	1		0	0	1	1		0	0	1	0		0	0	0	0		0	0	0	0		0	0	0	0		0	0	0	0	
	1	0	0	1		0	0	0	1		0	0	0	0		1	1	0	1		1	1	0	0		1	1	0	0		1	1	0	0	
	1	0	0	0		0	0	0	0		1	1	1	0		1	1	0	0		1	1	1	0		1	1	1	0		1	1	1	0	
	<b>f</b>					<b>g</b>					<b>h</b>					<b>i</b>					<b>j</b>														

[AT]

Abbildung 3.17: LRU mit einer Matrix. Auf die Seiten wird in der Reihenfolge 0 1 2 3 2 1 0 3 2 3 zugegriffen.

## 7. NFU: Not Frequently Used

### Beobachtung

- LRU in Software sehr aufwändig
  - Spezialhardware oftmals nicht vorhanden
- => Näherungsweise Nachbildung von LRU in SW

### Vorgehensweise

1. Jede Seite hat einen SW Zähler, der mit 0 initialisiert ist.
2. Zyklisch (z.B.: Timer Intervall alle 20 ms) werden die R-Bit zu den Zählern addiert.

### Beurteilung

NFU không quen các truy cập cũ, điều này có thể dẫn đến việc các trang cũ và thường xuyên được truy cập vẫn được giữ lại trong bộ nhớ dù chúng không còn được sử dụng.

- NFU vergisst keine alten Zugriffe (Problem): Alte, oft referenzierte Seiten bleiben im Speicher „kleben“, auch wenn sie nicht mehr benutzt werden.
- Unschärfe: Es wird nicht gespeichert, wie oft eine Seite in einem Intervall referenziert wird.

NFU không lưu trữ số lần một trang được tham chiếu trong một khoảng thời gian cụ thể, điều này có thể gây ra sự mơ hồ trong việc xác định trang nào cần được thay thế.

## 8. Aging

### Bemerkung

- Lösung des „Nicht-Vergessen-Problems“ des NFU Algorithmus

### Vorgehensweise

1. Jede Seite hat einen SW Zähler, der mit 0 initialisiert ist.
2. Zyklisch (z.B.: Timer Intervall alle 20 ms) werden die R-Bit zu dem Zähler wie folgt addiert:
  - Shifte den Zähler im 1 nach rechts (Division durch 2) *Dich chuyen bo dem sang phai 1 bit tuong duong voi viec chia bo dem cho 2.*
  - Setze das R Bit an die linke Position (addiere R-Bit \* 2hochwertiges Bit-Position)
  - Setze das R Bit zurück *cong gia tri cua (bit R nhan voi 2) tai vi tri bit co gia tri cao nhat cua bo dem (SW Zähler)*

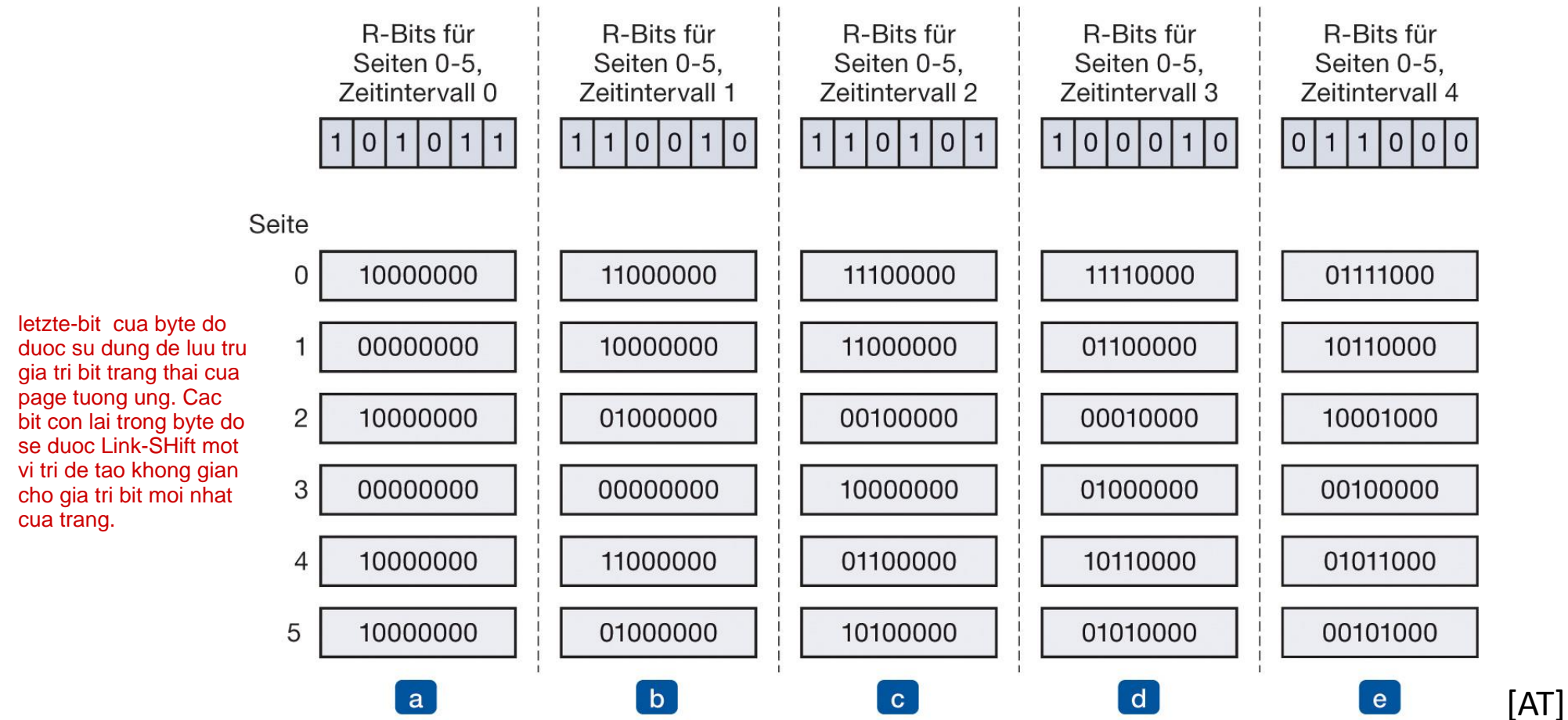
### Beurteilung

- Unschärfe wie bei NFU *Do viec them cac luy thua cua 2 vao bo dem, bo dem se "nhanh chong" bi tieu hao.*
- Da 2-er Potenzen addiert werden, ist die Breite der Zähler „schnell verbraucht“  
Beispiel: n Bit breiter Zähler: Keine Unterscheidung, ob auf eine Seite in den letzten n oder n+x Zyklen nicht referenziert wurde.
- Was passiert in folgenden Fall: Seite wird eingelagert, page fault tritt auf, Aging Time ist in der Zeit nicht abgelaufen. *Trang vua duoc luu tru se bi xoa lai vi gia tri age cua no van la 0, do qua trinh Aging chua hoan thanh.*
- Die frisch eingelagerte Seite wird wieder ausgelagert, da age noch 0 ist.

# Beispiel Aging

Moi Seite duoc gan voi mot byte (8 bit) trong Age-Table

cac page khong duoc truy cap gan day se co gia tri byte thap hon



**Abbildung 3.18:** Der Aging-Algorithmus ist eine Software-Simulation von LRU. Dargestellt werden die Zähler von sechs Seiten für fünf Intervalle. (a) bis (e) zeigen die Zustände nach den Intervallen 1–5.

## 9. Working Set Algorithmus

### Beobachtung

- Lokalitätsprinzip des Working Sets
- zu jedem Zeitpunkt  $t$  gibt es eine Menge von Seiten, die in den letzten  $k$  Speicherzugriffen genutzt wurden  
Tai moi thoi diem  $t$ , co mot tap hop cac trang da duoc su dung trong  $k$  lan truy cap gan day, duoc goi la Arbeitsbereich (Working Set).
- diese Menge  $w(t,k)$  ist der Arbeitsbereich
- Viele Betriebssysteme merken sich den (Working Set) eines Prozesses wenn sie ihn auslagern
- **Grund:** Prepaging - letzter aktueller Arbeitsbereich wird später wieder geladen bevor Prozess weiter ausgeführt wird
- **Ziel:** Verhindern von Seitenflattern (trashing) durch Seitenfehler (nur einige Nanosekunden zur Befehlsausführung, aber ca. 10ms eine Seite von Platte zu lesen)
- **Näherung:**  $w(t,k)$  aufwendig zu berechnen: Statt der letzten  $k$  Speicherzugriffe wird die Ausführungszeit des Prozesses verwendet.
- **Multiprocessing:** virtuelle Zeit (current virtual time)
- **Arbeitsbereich** eines Prozesses zum Zeitpunkt  $t$ : Die Seiten, im virtuellen Zeitintervall  $[t-\tau, t]$

## 9. Working Set Algorithmus (2)

### Verfahren

Khi xảy ra lỗi trang, một trang không thuộc Working Set sẽ được xóa.

- Lagere bei einem Seitenfehler eine Seite aus, die nicht im Working Set liegt
- 1. Betrachte nur die eingelagerten Seiten. Info pro Seite: R-Bit, M-Bit, der letzte Zugriff auf die Seite (ungefähr)
 

Chi xem xét các trang đã được lưu trữ. Thông tin cho mỗi trang bao gồm bit R, bit M và thời điểm truy cập gần nhất của trang đó (xấp xỉ).
- 2. R-Bit, M-Bit wird von der HW gesetzt. Zyklisch wird das R-Bit zurückgesetzt
- 3. Durchlaufe die Tabelle, bis eine Seite ersetzt wurde.
 

Dat thời gian truy cập thành thời gian ảo hiện tại

  - (3.1) R-Bit == 1: Setze Zugriffszeit auf aktuelle virtuelle Zeit, R-Bit = 0
  - (3.2) R-Bit == 0: if (aktuelle virtuelle Zeit –  $\tau$ ) > letzte Zugriffszeit : Seite liegt nicht im Working Set, wird ausgelagert und durch die neue Seite ersetzt
 

Neu (thời gian ảo hiện tại – ) > thời điểm truy cập gần nhất: Trang không thuộc Working Set, sẽ được xóa và thay thế bằng một trang mới.
- 4. Für die restlichen Seite : 3.1 – Zur Aktualisierung der Zugriffszeiten
- 5. Falls keine Seite mit 3.2 ausgelagert wurde, lagere die älteste Seite aus.

### Beurteilung

- Verfahren pro Prozess
- Aufwendig: alle Seitenrahmen werden bei einem Seitenfehler bearbeitet.

# Beispiel Working Set Algorithmus

virtuelle Zeit	$t$
2204	200

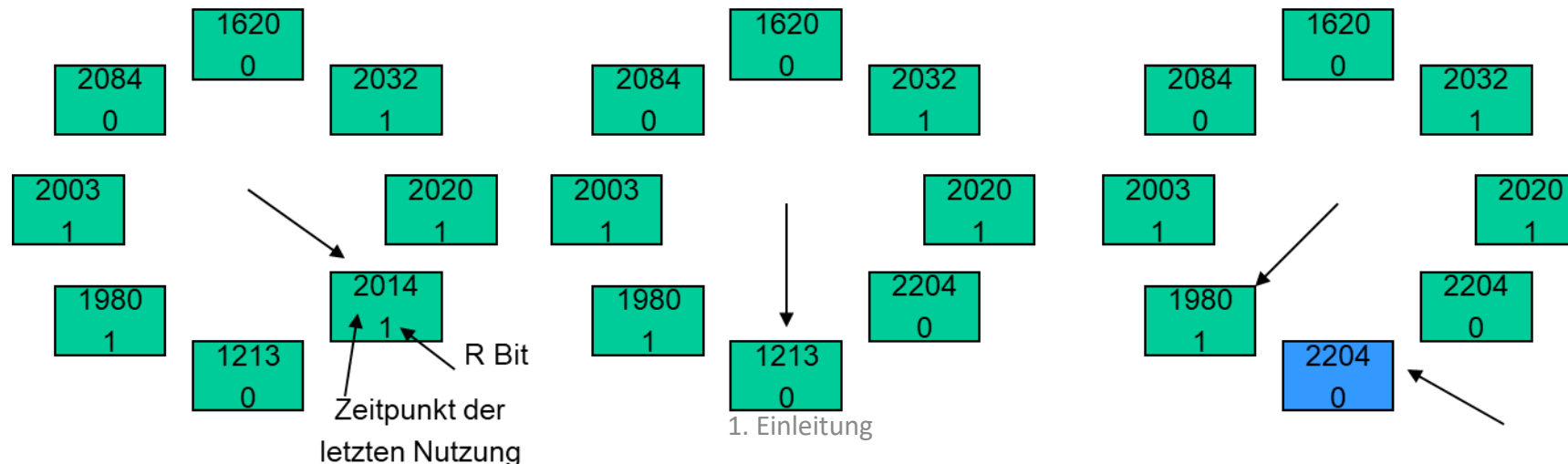
...	Zugriffszeit	R-Bit
	2084	1
	2005	0
	1980	1
	2000	0
	1903	0
	2020	1
	2032	0
	1620	0

...	Zugriffszeit	R-Bit
	2204	0
	2005	0
	2204	0
Neue Seite	2204	0
	1903	0
	2204	0
	2032	0
	1620	0

# 10. WSClock: Working Set Clock Algorithmus

**Vorgehensweise** Cac trang da duoc luu tru se duoc to chuc thanh danh sach lien ket vong trong bo nho. Moi trang co cac thong tin nhu bit R, bit M va thoi diem truy cap gan nhut (theo thuat toan Working Set).

- Die eingelagerten Seiten stehen als zyklisch verkettete Liste im Speicher  
Pro Seite: R-Bit, M-Bit, der letzte Zugriff auf die Seite (gemäß WS Algorithmus)
- R-Bit, M-Bit wird von der HW gesetzt. Zyklisch wird das R-Bit zurückgesetzt
- Bei Seitenfehler untersuche zunächst Seite auf die der Zeiger zeigt  
if (R-Bit ==1) then Neu bit R bang 1, dat bit R ve 0, thoi gian truy cap la thoi gian ao hien tai, dich con tro sang trang ke tiep.  
R-Bit = 0, Zugriffszeit = aktuelle virtuelle Zeit, schiebe den Zeiger eine Seite weiter  
if (R-Bit==0) && (Seitenalter  $\geq \tau$ ) then Neu bit R bang 0 va trang da lon hon hoac bang thoi gian quy dinh (t), xoa trang ra khoi bo nho, thay the bang mot trang moi, va cap nhut thoi gian truy cap thanh thoi gian ao hien tai.  
Seite auslagern, neue Seite einlagern, Zugriffszeit = aktuelle virtuelle Zeit  
Cap nhut thong tin thoi gian truy cap va bit R cho cac trang con lai trong danh sach neu bit R bang 1.
- Laufe noch den Rest der Liste durch: Update von Zugriffszeit und R, wenn R == 1





## 10. WSClock: Working Set Clock Algorithmus (2)

### Optimierung

...

3. ...

if (R-Bit==0) && (Seitenalter  $\geq \tau$ ) then

Seite auslagern, neue Seite einlagern, Zugriffszeit = aktuelle virtuelle Zeit

### Ansatz

- Seite wird nur ausgelagert, wenn das M Bit nicht gesetzt ist
- Wenn das M Bit gesetzt ist wird das System mit Auslagerung der Seite beauftrag

Trang chi duoc xoa neu bit M cua trang khong duoc dat.

### Beurteilung

- Wird aufgrund der guten Leistung und einfachen Umsetzbarkeit häufig eingesetzt

# Zusammenfassung Ersetzungsstrategien

Algorithmus	Kommentar
Optimal	Nicht realisierbar, aber nützlich als Maßstab
NRU (Not Recently Used)	Sehr grobe Annäherung an LRU
FIFO (First In First Out)	Entfernt evtl. auch wichtige Seiten
Second Chance	Enorme Verbesserung gegenüber FIFO
Clock	Realistisch
LRU (Least Recently Used)	Exzellent, aber schwierig zu implementieren
NFU (Not Frequently Used)	Ziemlich grobe Annäherung an LRU
Aging	Effizienter Algorithmus, gute Annäherung an LRU
Working Set	Etwas aufwändig zu implementieren
WSClock	Guter und effizienter Algorithmus

**Abbildung 3.22:** Die behandelten Seitenersetzungsalgorithmen

[AT]